

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2021

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Ly

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2021/QĐXXST -DS ngày 25 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2021 ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 34A/TB-TA ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 3, ấp T.Q, xã T.Đ, huyện T.C, tỉnh T.N, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lưu Hải H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T.H, xã T.M, huyện C.M, tỉnh A.G, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Ngọc L trình bày, Chị và anh Lưu Hải H quen biết, sau thời gian cùng tìm hiểu, cả hai tổ chức đám cưới, chung sống từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cả hai sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, thường xuyên mâu thuẫn, bắt

đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, sống ly thân, chị đã về quê tại tỉnh T.N sinh sống cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015, sau khi ly thân chị dắt 02 con theo chị về quê tại tỉnh T. N sinh sống cùng chị cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản photo giấy CMND Phạm Thị Ngọc L, bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao Giấy khai sinh của Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015; Tờ tự khai và đơn khởi kiện cùng ngày 29/3/2021;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được; anh H cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Cháu Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 có văn bản thể hiện ý kiến với nội dung: sau khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Tại Công văn số 170/TA-DS ngày 13/5/2021, Tòa án đề nghị yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T.M, huyện C.Mới và Ủy ban nhân dân xã T.Đ, huyện T.C, tỉnh T.N yêu cầu cung cấp thông tin tình trạng kết hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Lưu Hải H nhưng không nhận được phúc đáp. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn với anh Lưu Hải H và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn Lưu Hải H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lưu Hải H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị L với anh H quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị L, anh H là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Phạm Thị Ngọc L với anh Lưu Hải H là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015, sau khi ly thân 02 con chung theo mẹ về T.N sinh sống cho đến nay vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tòa án xác minh, hiện nay ông H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T.M, chị Lanh đã dắt 02 con bỏ đi không còn sống cùng địa phương với anh H khoảng 03 năm nay. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu nên để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, do anh H không yêu cầu, ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Không công nhận chị Phạm Thị Ngọc L và anh Lưu Hải H là vợ chồng.

Chị Phạm Thị Ngọc L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015. Anh Lưu Hải H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, nguyện vọng nuôi con chung được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lưu Hải H, sinh năm 1980, nơi cư trú tại xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C.M, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 13/7/2021, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa.

Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 10/8/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa được dời vào ngày 18/8/2021, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo dời thời gian xét xử nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Chị L, anh H quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, chị L xác định chị và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị L, anh H không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Chị L, anh H chung sống với nhau từ năm 2007, chị L xác định không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng; không còn sống chung đã vài tháng nay, chị L đã dẫn 02 con chung Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015 về quê tại tỉnh T.N sinh sống và từ thời điểm đó không còn quan tâm, liên lạc với anh H cho đến nay.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhiều lần triệu tập đến các phiên hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, điều này thể hiện anh H không có thiện chí mong muốn hàn gắn, không mong muốn đoàn tụ chung sống cùng với chị L; hiện nay, chị L, anh H không còn sống cùng nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống riêng lẻ của từng người, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình mà ở đó có sự chia sẻ, chăm sóc, yêu thương, quan tâm lẫn nhau.

Tại biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 09/7/2021, thể hiện anh Lưu Hải H vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp T.H, xã T.M, huyện C.M vẫn chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác; chị L đã dẫn 02 con chung đến nơi khác sinh sống khoảng 02 - 03 năm nay.

Từ những phân tích trên, có căn cứ cuộc sống chung giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Lưu Hải H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L, anh H không đăng ký kết hôn theo quy định nên áp dụng Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Phạm Thị Ngọc L với anh Lưu Hải H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015, sau khi ly thân 02 con chung theo

chị L về sinh sống tại tỉnh T.N cho đến nay vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Các cháu S, Y do chị L nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, cháu S có văn bản trình bày nguyện vọng sống cùng với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu nên để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; do anh H không yêu cầu, ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28; Điều 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Phạm Thị Ngọc L và anh Lưu Hải H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lưu Ngọc S, sinh ngày 10/3/2008 và Lưu Hải Y, sinh ngày 08/7/2015. Anh Lưu Hải H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002221 ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; chị L đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Kim L có đơn xin vắng mặt và anh Lưu Hải H vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

